TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:191 /2018/QĐST –HNGĐ

Phổ Yên, ngày 09 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2018/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐN, phường BH, thị xã PY, tỉnh TN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Nâm, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phổ Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Xuân Kh – Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh PY.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H, xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 26/01/1998, Nguyễn Thị Nguyệt Ng, sinh ngày 18/8/2003.

Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H thống nhất thỏa thuận như sau: Giao cho chị Hồ Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Nguyệt Ng, sinh ngày 18/8/2003. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi chị D có yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp cần thiết, vì lợi của con chung các bên có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 26/01/1998 đã trưởng thành, cháu muốn ở với ai là tùy cháu. Không đặt ra việc giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận cho anh chị về việc phân chia tài sản như sau:

Chị Hồ Thị D được quyền sử dụng 02 thửa đất gồm:

+ Đất thổ cư tại thửa đất 1557, tờ bản đồ 116, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 72 m^2, diện tích đo thực tế là 93 m^2. Vị trí thửa đất tại Tổ dân phố ĐN, phường BH- PY- TN. Đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 1377 có số đo 23,9 mét

Phía Tây Nam giáp thửa 579 có số đo 22,8 mét

Phía Đông Nam giáp đường nhựa 261 có số đo 4,3 mét

Phía Tây Bắc giáp thửa 137 có số 4,0 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

+ Đất thổ cư tại thửa 1878, tờ bản đồ 116, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử đụng đất là 68 m^2, diện tích đo thực tế là 93 m^2 . Vị trí thửa đất tại: Tổ dân phố ĐN, phường BH – PY-TN. Có tự cận như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông có số đo 4,0 mét

Phía Nam giáp đường nhựa 261 có số đo 4,0 mét

Phía Đông giáp thửa 1384 có số đo 23,3 mét

Phía Tây giáp thửa 1338 có số 23,3 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

Chị D được quyền sở hữu: 01 nhà bốn tầng xây gạch 220, mái lợp tôn diện tích 80 m^2 (bên trong có 05 phòng hát). Được xây dựng trên thửa đất Thửa đất 1557, tờ bản đồ 116; 01 khung cột, vách tôn 02 bức (trước, sau) nền đổ bê tông, nát gạch tầu, mái lợp tôn xốp (tường mượn hai hộ liền kề) chị D sử dụng quán bán hàng mã (đất thuê) có diện tích 221,2m^2 và toàn bộ số hàng mã trị giá 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng 02 thửa đất gồm:

+ Đất thổ cư tại thửa 12c, tờ bản đồ 116, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 564.0 m^2, diện tích thực tế là 899 m^2. Vị trí thửa đất tại: Tổ dân phố ĐN, phường BH, thị xã PN, tỉnh TN có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 1525 có số đo 25 mét

Phía Nam giáp đường bê tông có số đo 4,0 mét

Phía Đông giáp thửa 1384 có số đo 30,5 mét

Phía Tây giáp thửa 12 có số 44,4 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

+ Thửa 36a, tờ bản đồ 116, diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 238 m^2, diện tích đo thực tế là 383 m^2. Vị trí thửa đất tại: Tổ dân phố ĐN, phường BH – PY-TN, có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp đường bê tông có số đo 18,2 mét

Phía Nam giáp thửa 36 có số đo 2,2 mét

Phía Đông giáp dự án khu dân cư Yên Thứ (GDD2) có số đo 32,3 mét

Phía Tây giáp thửa 36có số 30,3 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Anh H được quyền sở hữu: 01 nhà cấp ba, 03 tầng, nhà khung bê tông cốt thép xây gạch 220, mái đổ bê tông, dán ngói diện tích 126 m^2,01 sân lát gạch đỏ diện

tích 182,7 m^2, 01 sân láng xi măng, cổng (trụ cổng + cánh cổng Inox). Toàn bộ công trình được xây dựng trên thửa đất thửa 12c, tờ bản đồ 116.

Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tăng thêm.

4) Về công nợ chung: Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PN. Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Văn H nhất trí thỏa thuận: Chị Hồ Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PY số tiền nợ gốc tính đến ngày 01/10/2018 là 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh khi đến kỳ hạn do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh PY thông báo (theo hợp đồng tín dụng số 8508-LAV- 201405313 ngày 28/8/2014).

Đối với khoản nợ của Ngân hàng đầu tư đã trả nợ xong, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Hồ Thị D nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008530 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY. Trả lại cho chị Hồ Thị D 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã PY;
- UBND phường BH;
- Ngân hàng Nông Nghiệp thị xã PY;
- Ngân hàng đầu tư Nam TN;
- Lưu hồ sơ.